

Số 4978 /1998/QĐ-UB

Hải Phòng, ngày 05 tháng 10 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định thực hiện Nghị định
09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ
và một số chế độ, chính sách tạm thời của
Ủy ban nhân dân thành phố đối với
cán bộ chính quyền cơ sở

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ;
- Căn cứ Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn ;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 99/1998/TT-LT TCCP-BTC-BLĐTB & XH ngày 19/5/1998 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và xã hội ;
- Theo đề nghị của ông Trưởng ban Ban tổ chức chính quyền thành phố ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Ban hành kèm theo quyết định này bản Quy định thực hiện Nghị định 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ và một số chế độ chính sách tạm thời của Ủy ban nhân dân thành phố đối với cán bộ chính quyền cơ sở .

Điều 2 : Quy định này được thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng kể từ ngày 01/01/1998. Những qui định trước đây trái với Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 99/1998/TT-LT TCCP-BTC-BLĐTB&XH và trái với Quy định này đều bãi bỏ .

Điều 3 : Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các ngành, cơ quan của thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, xã, phường, thị trấn căn cứ quyết định thi hành .

Nơi nhận :

- VPCP, Ban TCCB-CP (để báo cáo)
- TTU-TTHĐND-TP (để B/cáo)
- CT và các PCT UBND-TP
- UBMTTQ, các đoàn thể thành phố
- Các Sở ngành (để thi hành)
- UBND các H,Q,TX (để T/H)
- UBND các X,F,TT (để T/H)
- CPVP, CV: NC,TH (để T/H)
- Lưu : VPUBND, TCCQ-TP

T/M . UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Trần Huy Năng

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện Nghị định số 09/1998/NĐ-CP
ngày 23/01/1998 của Chính phủ và một số chế độ
chính sách tạm thời của UBND thành phố
đối với cán bộ chính quyền cơ sở
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~198~~/1998/QĐ-UB
ngày 05/10/1998 của Ủy ban nhân dân
thành phố Hải Phòng)

Chương I

**SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH TIÊU CHUẨN CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ SINH HOẠT PHÍ**

Điều 1 : Số lượng cán bộ xã, phường, thị trấn được hưởng chế độ sinh hoạt phí theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP qui định như sau :

1 - Với xã :

- Xã dưới 10.000 dân bố trí không quá 19 cán bộ
- Xã có từ 10.000 dân đến 20.000 dân bố trí không quá 21 cán bộ
- Xã trên 20.000 dân cứ thêm 3000 dân bố trí thêm 01 cán bộ nhưng không quá 25 cán bộ .
- Các xã thuộc huyện Cát Hải bố trí không quá 17 cán bộ

2 - Với phường, thị trấn :

- Phường, thị trấn dưới 10.000 dân bố trí không quá 17 cán bộ .
- Phường, thị trấn có từ 10.000 dân trở lên bố trí không quá 19 cán bộ .

Điều 2 : Chức danh cán bộ xã, phường, thị trấn được hưởng chế độ sinh hoạt phí theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP qui định như sau :

1 - Với xã bố trí 19 cán bộ gồm có :

- + Bí thư đảng ủy (hoặc Bí thư chi bộ nơi chưa có đảng bộ) .
- + Phó bí thư đảng ủy (hoặc thường trực đảng ủy nếu Phó bí thư kiêm nhiệm)
- + Chủ tịch Hội đồng nhân dân .
- + Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân .
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân .
- + Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân .

- + Trưởng công an .
- + Trưởng ban chỉ huy quân sự .
- + Cán bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân-thống kê tổng hợp kiêm thủ quỹ .
- + Cán bộ địa chính kiêm giao thông thủy lợi .
- + Cán bộ tài chính - kế toán kiêm kế hoạch .
- + Cán bộ tư pháp-hộ tịch, hộ khẩu .
- + Cán bộ lao động-thương binh và xã hội .
- + Cán bộ văn hoá-thông tin-thể dục thể thao .
- + Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc .
- + Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ .
- + Chủ tịch Hội nông dân .
- + Chủ tịch Hội cựu chiến binh .
- + Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh .
- Đối với các xã thuộc huyện Cát Hải cần bố trí cán bộ kiêm nhiệm một số lĩnh vực công tác một cách hợp lý .
- Các xã có số lượng cán bộ được hưởng sinh hoạt phí nhiều hơn, tùy tình hình thực tế địa phương có thể tăng cường cho các lĩnh vực công tác : quân sự, công an, kinh tế ...

2 - Phường, thị trấn bố trí 17 cán bộ gồm có :

- + Bí thư đảng ủy
- + Phó bí thư đảng ủy (hoặc thường trực đảng ủy nếu Phó bí thư đảng ủy kiêm nhiệm) .
- + Chủ tịch Hội đồng nhân dân .
- + Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân .
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân .
- + Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân .
- + Chỉ huy trưởng quân sự .
- + Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân - thống kê tổng hợp kiêm thủ quỹ .
- + Cán bộ địa chính-quản lý đô thị .
- + Cán bộ tài chính-kế toán kiêm kế hoạch .
- + Cán bộ tư pháp-hộ tịch .
- + Cán bộ lao động-thương binh và xã hội .
- + Cán bộ văn hoá-thông tin-thể dục thể thao .
- + Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc .

+ Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ .

+ Chủ tịch Hội cựu chiến binh

+ Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

- Các phường, thị trấn có số lượng cán bộ được hưởng sinh hoạt phí nhiều hơn, tùy tình hình thực tế của địa phương có thể tăng cường cho các lĩnh vực công tác quân sự, đô thị, công-thương nghiệp ...

3 - Những xã, phường, thị trấn hải đảo, ven biển theo qui định tại điểm 3, Điều 5 Nghị định số 35/CP ngày 14/6/1996 của Chính phủ qui định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh dân quân tự vệ được bố trí một cán bộ giữ chức danh Phó chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (có thể kiêm nhiệm một số lĩnh vực công tác khác) trong số định biên đã qui định .

Điều 3 : Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được tuyển chọn phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây :

- Lý lịch rõ ràng

- Phẩm chất, đạo đức tốt

- Có văn bằng chuyên môn nghiệp vụ từ sơ cấp trở lên phù hợp với công việc đảm nhiệm .

- Có sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuổi đời không quá 35 đối với nữ, 40 đối với nam .

- Riêng với 4 chức danh chuyên môn: Tài chính-kế toán; Tư pháp-hộ tịch; Địa chính; Văn phòng Ủy ban nhân dân-thống kê tổng hợp phải có trình độ từ trung học trở lên theo đúng chuyên ngành đào tạo. Đối với cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân-thống kê tổng hợp còn phải được bồi dưỡng nghiệp vụ văn phòng thống kê và phải qua bồi dưỡng về hành chính Nhà nước .

Điều 4 : Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập hồ sơ tuyển chọn cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của mình trình Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã ra quyết định cụ thể theo từng chức danh sau khi có sự thoả thuận của Ban tổ chức chính quyền thành phố. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký hợp đồng lao động trực tiếp với từng cán bộ theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã .

Điều 5 : Việc thay thế các cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã quyết định, chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau đây :

+ Cán bộ được điều động đi nhận nhiệm vụ khác .

+ Không đủ tiêu chuẩn để đảm nhận công tác chuyên môn.

+ Vi phạm hợp đồng buộc phải thôi việc .

+ Có nguyện vọng xin thôi việc

Chương II

CHẾ ĐỘ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 6: Chế độ, chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đương chức; cán bộ xã, phường, thị trấn hưởng sinh hoạt phí theo Nghị định 09 khi già yếu nghỉ việc và cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc đang hưởng phụ cấp hàng tháng theo Quyết định 130/CP ngày 30/6/1975 và Quyết định 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Chính phủ đã được chuyển hưởng phụ cấp hàng tháng theo Nghị định 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ thực hiện theo điều 3, 4, 5 của Nghị định 09/1998/NĐ-CP và mục II, mục III của Thông tư liên tịch 99/1998/TT-LT TCCP-BTC-BLĐTB & XH. Đồng thời qui định chi tiết một số điểm sau đây :

1) Việc chuyển xếp mức sinh hoạt phí, tính hệ số nâng mức sinh hoạt phí đối với bốn chức danh chuyên môn: Tư pháp-hộ tịch, Địa chính, Tài chính-kế toán, Văn phòng Ủy ban nhân dân-thống kê tổng hợp vận dụng theo ngạch, bậc lương hành chính sự nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 215/TCCP-ĐP ngày 19/9/1998 của Ban tổ chức-cán bộ Chính phủ và ủy quyền cho Trưởng ban Ban tổ chức chính quyền thành phố quyết định .

2 - Cán bộ nguyên là Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn già yếu nghỉ việc đang hưởng phụ cấp hàng tháng nay được hưởng phụ cấp hàng tháng mức 130.000đ .

3 - Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng sinh hoạt phí theo qui định của Nhà nước, do nhu cầu công tác được điều động sang làm chủ nhiệm hợp tác xã, Phó đoàn thể cấp xã, nhưng vẫn được hưởng sinh hoạt phí theo qui định của Nhà nước thì vẫn được tính là thời gian công tác liên tục ở xã .

4 - Cán bộ xã, phường, thị trấn đang công tác và được hưởng sinh hoạt phí theo qui định của Nhà nước, được điều động lên làm việc ở cơ quan Nhà nước thì thời gian công tác ở xã, phường, thị trấn được tính là thời gian công tác liên tục .

Điều 7 : Qui định tạm thời về phụ cấp sinh hoạt phí đối với các chức danh: phó các đoàn thể, bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng khu và cụm dân cư như sau:

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, xã, phường, thị trấn, mỗi tổ chức được một định xuất sinh hoạt phí hàng tháng, mức 120.000đ cho cấp phó .

- Trưởng thôn ở xã, trưởng khu dân cư hoặc cụm dân cư ở phường, thị trấn hưởng mức sinh hoạt phí 100.000đ/tháng .

- Ở những thôn, khu hoặc cụm dân có một chi bộ, bí thư chi bộ hưởng mức sinh hoạt phí 100.000đ/tháng; nơi có từ hai chi bộ trở lên, bí thư chi bộ được hưởng mức 70.000đ/tháng .

- Bí thư chi bộ kiêm chức danh trưởng thôn, trưởng khu hoặc cụm dân cư được hưởng sinh hoạt phí mức 120.000đ/tháng .

Các đối tượng trên đây chỉ được hưởng sinh hoạt phí theo qui định của Thành phố, ngoài ra không được hưởng các chế độ qui định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 99/1998/TT-LT TCCP-BTC-BLĐTB & XH .

Điều 8 : Nguồn kinh phí chi trả lương cho cán bộ Nhà nước tăng cường, sinh hoạt phí, các khoản phụ cấp, trợ cấp, mai táng phí cho cán bộ xã, phường, thị trấn, trưởng thôn, trưởng khu hoặc cụm dân cư, bí thư chi bộ thôn (khu hoặc cụm dân cư)

do ngân sách Nhà nước cân đối vào ngân sách xã, phường, thị trấn và được cấp phát qua kho bạc Nhà nước bảo đảm đúng chế độ, đầy đủ, kịp thời hàng tháng .

Hàng tháng, hàng quý, hàng năm Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải lập báo cáo khoản chi này với cơ quan Tài chính và chi nhánh Kho bạc Nhà nước huyện, quận, thị xã theo qui định .

Điều 9 : Mức đóng bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng khi nghỉ việc kể từ 01/01/1998 bằng 15% mức sinh hoạt phí cán bộ hiện hưởng hàng tháng. Cán bộ xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phải đóng 5%, ngân sách xã, phường, thị trấn đóng 10%. Hàng tháng Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm đóng bảo hiểm cho cán bộ địa phương mình theo qui định của Bảo hiểm xã hội thành phố .

Cán bộ xã, phường, thị trấn đang công tác, trước ngày 01/01/1998 chưa đóng quỹ bảo hiểm xã hội, ngân sách Nhà nước sẽ tài trợ phần kinh phí phải đóng theo chế độ vào quỹ bảo hiểm xã hội .

Chương III :

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10: Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Ban chỉ đạo giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị định 09/1998/NĐ-CP và hoàn thành trong năm 1998 .

Điều 11: Liên ngành: Ban tổ chức chính quyền, Sở tài chính-vật giá, Bảo hiểm xã hội thành phố có trách nhiệm ra văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Qui định này .

Điều 12: Thủ trưởng các sở ban ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện Qui định này và hướng dẫn của liên ngành thành phố; tổ chức sơ kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị định 09/1998/NĐ-CP của Chính phủ theo Qui định này vào cuối năm 1998 .

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG